

CÔNG TY CỔ PHẦN A.L.A

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

KHU ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ XXX

HUYỆN XXX, TỈNH XXXX

TỶ LỆ 1/500



HÀ NỘI 2 - 2008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

KHU ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ XXXXX

HUYỆN XXX, TỈNH XXXX

TỶ LỆ 1/500

Cơ quan phê duyệt nhiệm vụ thiết kế: **UBND Tỉnh**

Cơ quan thẩm định nhiệm vụ thiết kế: **Sở Xây dựng**

Cơ quan trình nhiệm vụ thiết kế: **Sở Xây dựng**

Chủ đầu tư lập Quy hoạch:

Đơn vị lập nhiệm vụ thiết kế: **Công ty CP tư vấn và đầu tư A.L.A**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT

Những năm đầu của Thế kỷ 21 đã chứng kiến những bước nhảy vọt của kinh tế Việt Nam, đặc biệt phát triển sau khi gia nhập WTO. Với những bước đi lên không ngừng của nền kinh tế cả nước, cùng với những chính sách thay đổi của Chính phủ trên vấn đề nóng bỏng của Bất động sản, nhiều dự án đầu tư vào bất động sản đã phát triển mạnh. Trục đường cao tốc xxxx vàxxxx trong thời gian qua đã phát triển nhiều dự án khu đô thị, công nghiệp, giáo dục và nghỉ dưỡng.

Với lợi thế của một tỉnh miền núi, thiên nhiên đã ban choxxxx một môi trường khá đặc trưng để có thể dễ dàng phát triển du lịch, dịch vụ và nghỉ dưỡng. Thực tế cho thấy người dân Hà Nội và vùng phụ cận ngày càng có xu hướng tìm mua đất ở các vùng lân cận trong bán kính dưới 50km phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí cuối tuần và đây cũng là một khoản đầu tư lý tưởng cho tương lai.

Khu vực dự kiến xây dựng Dự án Khu Đô thị dịch vụ xxxx nằm trên địa bàn xã xxxx huyện xxx là một địa điểm thích hợp để tổ chức mô hình nêu trên. Cùng với các lợi thế về vị trí, liên kết với các khu chức năng quan trọng trong tổng thể chuỗi đô thị xxx khi hình thành khu Đô thị dịch vụ Yên Bình sẽ tạo nên một không gian sống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí hài hòa với môi trường thiên nhiên hiện có và cũng là một điểm đầu tư lý tưởng cho tương lai.

Công ty cổ phần xây dựng số là một đơn vị có vị thế trên thị trường xây dựng Việt Nam và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản. Công ty đã đầu tư một số khu đô thị mới trên địa bàn của . Được biết Ủy ban nhân dân tỉnhxxxx có chính sách khuyến khích đầu tư và nhận thấy sự cần thiết cũng nhu cầu xã hội về các khu đô thị du lịch sinh thái tại vùng cảnh quanxxxx, công ty chúng tôi quyết tâm và nhận thấy sự cần thiết đầu tư một khu đô thị và dịch vụ kiểu mẫu tại tỉnhxxxx.

Để có sự chuẩn bị đầu tư chuẩn xác, hợp lý và khoa học cho việc phát triển khu đô thị sinh thái Lũng Xuân, việc lập quy hoạch tỷ lệ 1/500 cho khu vực là thực sự quan trọng và cần thiết.

2. MỤC TIÊU THIẾT KẾ QUY HOẠCH

- Hình thành một tổng thể phát triển hài hòa của một khu đô thị và dịch vụ, phù hợp với Quy hoạch chung
- Thiết kế quy hoạch tổng thể khu đô thị và dịch vụ có nghiên cứu các định hướng liên kết và đề xuất các chức năng phù hợp, độc lập cho từng khu;
- Tạo dựng một môi trường đô thị, gắn kết hài hoà với các khu vực làng xóm hiện có và dự án quy hoạch kề cận;

- Tạo cho khu dân cư đô thị có cuộc sống chất lượng cao, khu ở đô thị Xanh - Sạch - Đẹp, có môi trường thiên nhiên tốt và có các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn cao nhằm từng bước thúc đẩy tiến trình đô thị hoá;
- Nâng cao hơn giá trị, phù hợp về công năng và tiết kiệm hơn về kinh phí đầu tư của khu vực dự án;
- Tạo lập nên 1 hành lang pháp lý, quản lý các hoạt động xây dựng của khu vực này trong thời gian tới.

3. MỤC TIÊU DỰ ÁN

- Đầu tư xây dựng đồng bộ một quần thể liên hợp bao gồm khu nhà ở biệt thự, nhà vườn, khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng sinh thái cao cấp và vui chơi giải trí, hài hòa với môi trường thiên nhiên của khu vực;
- Hình thành một đô thị cao cấp, hấp dẫn người dân thông qua các mô hình một khu ở cộng đồng, bền vững về môi trường và đặc biệt tạo dựng nên một không gian cảnh quan đô thị trong lành, hài hòa với thiên nhiên;
- Dự án phát triển sẽ góp phần nâng cao đời sống, tập tục của người dân địa phương, định hướng cho người dân vào những hoạt động sản xuất, dịch vụ thương mại, dần từng bước phát triển kinh tế người dân địa phương.

4. CÁC CĂN CỨ THIẾT KẾ QUY HOẠCH

- Căn cứ Luật Xây dựng đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ IV thông qua ngày 26/11/2003;
- Căn cứ luật đất đai 2006;
- Căn cứ Nghị định 08/2005/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về việc lập Quy hoạch đồ án Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn ;
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ ban hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 18/08/2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 06/2005/QĐ-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí Quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 31/2002/QĐ-UB ngày 25-11-2002 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc ưu đãi đầu tư và thủ tục cấp giấy phép đầu tư với các dự án, đầu tư trực tiếp nước ngoài ..
- Căn cứ nghị quyết Đảng ủy Huyện về phát triển kinh tế xã hội.
- Căn cứ quyết định số 43/2005 QĐ-UB ngày 06/10/2005 của UBND sửa đổi bổ xung quyết định số 31/2001/QQD-UB
- Căn cứ vào chủ trương phát triển của UBND huyện và UBND xã về qui hoạch sử dụng đất 2001-2010
- Căn cứ công văn số 350/VPUBND-ĐT ngày 20/12/2008 của văn phòng UBND Tỉnh về việc xét đề nghị giao công ty cổ phần đầu tư dự án khu đô thị mới;
- Căn cứ công văn số 297/KHĐT-XTĐT ngày 8 của Sở Kế hoạch đầu tư về việc thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án và đồng ý về chủ trương cho phép công ty ...khảo sát lập dự án đầu tư khu đô thị và dịch vụ;
- Căn cứ công văn số 280/UBND-ĐT ngày 27/02/2008 của UBND Tỉnh đồng ý cho công ty khảo sát lập dự án, lập quy hoạch chi tiết và lập hồ sơ đất đai;
- Căn cứ vào điều kiện tự nhiên và tiềm năng phát triển kinh tế xã hội của ...
- Căn cứ vào bản đồ địa chính khu đất do Sở tài nguyên môi trường cung cấp và các giấy tờ có liên quan khác.

CHƯƠNG I: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

1.1 ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.1.1 Vị trí và diện tích :

Khu đô thị và du lịch sinh thái có tổng diện tích là **105,5 ha** trên địa bàn xóm xã Huyện tỉnh, với ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía bắc giáp
- Phía Nam giáp
- Phía Đông giáp
- Phía Tây giáp

1.1.2. Đánh giá hiện trạng tổng thể khu vực

Dựa vào các số liệu thu thập trên hiện trạng, bản đồ khảo sát khu vực và các tài liệu liên quan, đánh giá xác định các yếu tố hiện trạng của khu vực nghiên cứu, bao gồm:

- **Đánh giá hiện trạng địa hình;**
- **Đánh giá các yếu tố khí hậu, địa chất thủy văn, địa chất công trình;**
- **Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, dân cư trong khu vực;**
- **Hiện trạng xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường;**
- **Đánh giá hiện trạng các công trình kiến trúc, chùa nhằm đề xuất các biện pháp di dời, bảo tồn, tôn tạo... (**

CHƯƠNG II: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA ĐỒ ÁN

2.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUY HOẠCH

- Tận dụng phát triển tối đa yếu tố cảnh quan, địa hình khu vực, phát triển đô thị song song với duy trì môi trường thiên nhiên hiện có;
- Các khu vực phát triển không gian đô thị cần liên hệ chặt chẽ với khu vực hồ Đồng Mô và khu sân bay Taxi, làm tiền đề cho sự phát triển du lịch, dịch vụ cũng như nhà ở cao cấp;
- Hình thành một khu vui chơi, tham quan, du lịch mang đậm tính đặc thù của người dân miền núi Tỉnhxxxx.

2.2 TÍNH CHẤT CHỨC NĂNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU

- Là khu ở, thương mại dịch vụ mới hiện đại, đa dạng, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ ngoài ra còn kết hợp các công trình dịch vụ công cộng và cây xanh đô thị;
- Là khu dịch vụ, du lịch sinh thái hấp dẫn và tiện nghi cao cấp;
- Là một điểm dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ ngơi đa dạng trong tổng thể điểm du lịch, vui chơi của đô thị .

2.1 CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHÍNH

- ***Tổng diện tích thiết kế: 105,5 ha.*** Khu vực nghiên cứu thiết kế được tính theo bậc đô thị loại 2
- ***Dân số khu đô thị du lịch sinh thái:*** từ 8.000 – 12.000 người
- ***Tỷ lệ đất xây dựng các hạng mục chính của khu đô thị:***
- Đất xây dựng nhà ở, dịch vụ công cộng: chiếm từ 35 - 45% đất xây dựng đô thị;

- Đất công trình công cộng, hạ tầng xã hội: chiếm từ 8 -10 % đất xây dựng đô thị;
- Đất giao thông khu đô thị: chiếm từ 25 – 29 % đất xây dựng đô thị;
- Đất công viên cây xanh, mặt nước và đất TDTT: chiếm từ 18 – 25 % đất xây dựng đô thị
- **Chỉ tiêu đất xây dựng nhà ở:**
 - Nhà chung cư cho khu đô thị: 105 - 180 m² sàn/hộ;
 - Nhà biệt thự cho khu đô thị: 300 - 500 m² /lô
 - Nhà biệt thự sinh thái: 600 – 1200 m²/lô
- **Mật độ xây dựng chung toàn khu đô thị: 18% - 25%**
- **Mật độ xây dựng các công trình kiến trúc:**
 - Nhà chung cư: 20% - 35%
 - Nhà vườn, biệt thự: 30% - 40%
 - Nhà vườn, biệt thự sinh thái: 20% - 25%
 - Các công trình công cộng: 30 % - 45%
- **Tầng cao xây dựng :**
 - Nhà chung cư cao tầng: từ 6 – 9 tầng;
 - Nhà vườn, biệt thự: 2 ÷ 3 tầng
 - Các công trình công cộng: 2 –5 tầng
- **Chỉ tiêu đất trong khu vực**
 - + Đất khu ở: 25 - 28m²/người
 - + Đất công trình công cộng: 4-5 m²/người
 - + Đất công viên cây xanh: 6 - 7 m²/người
 - + Đất giao thông khu vực: 19 – 21 m²/người
- **Chỉ tiêu hạ tầng xã hội**
 - + Nhà trẻ, mẫu giáo: 60 - 70 chỗ/1000 dân, diện tích từ 20 – 30m²/chỗ
 - + Trường tiểu học: 100 – 130 chỗ/1000 dân, diện tích từ 18 – 22m²/chỗ
 - + Đất chợ: 0,2 – 0,5 ha/công trình cho 1 đơn vị ở
 - + Sân thể dục thể thao: 0,5 m²/người
 - + Trạm y tế: 01 trạm/1000 dân, với diện tích 500 m²/trạm
- **Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:**
 - + Độ dốc dọc đường: $i = 0 - 0,1\%$
 - + Độ dốc ngang đường: $i = 2\%$

- + Chiều rộng: 01 làn xe: $b = 3,75 \text{ m}$
- + Bán kính cong bó vỉa: $r = 12 \text{ m}$
- San nền:
 - + Đắp cát hệ số đầm nén: $k = 0,9$
 - + Mặt đường đầm nén: $k = 0,95$
 - + San nền cục bộ các khu vực theo hướng dốc: $i = 0,0005$
- Cấp nước:
 - + Phục vụ sinh hoạt: $150 - 180 \text{ lít/người/ngày đêm}$
 - + Phục vụ CT công cộng: $20 - 30 \text{ lít/người/ngày đêm}$
 - + Phục vụ tưới cây, rửa đường: $0,5 \text{ lít/m}^2$
- Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:
 - + Thoát nước: $= 100\% \text{ cấp nước}$
 - + Rác thải rắn: $1 \text{ kg/người/ngày đêm}$
- Cấp điện:
 - + Cấp điện sinh hoạt: $2,5 \text{ KW/hộ}$
 - + CT công cộng, dịch vụ: $25 - 50 \text{ W/m}^2 \text{ sàn}$
 - + Chiếu sáng đường phố: $0,4 - 1,2 \text{ Cd/m}^2$
 - + Chiếu sáng khu cây xanh, TDTT: $0,4 - 0,8 \text{ W/m}^2$
 - + Chiếu sáng đường rộng: $1,2 \text{ W/m}^2$

CHƯƠNG III: BỐ CỤC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

3.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUY HOẠCH

3.1.1 Quan điểm và nguyên tắc chung

- Cấu trúc quy hoạch cần rõ ràng và linh hoạt nhằm đáp ứng cho hiện tại cũng như tương lai lâu dài;
- Khu Đô thị và dịch vụ là một khu đô thị với quy hoạch và xây dựng mới, đồng bộ, do vậy hình thức kiến trúc, khối tích các công trình và không gian cây xanh phải được nghiên cứu đồng bộ tạo thành tổ hợp hoàn chỉnh, tránh chia cắt manh mún, tạo nên những điểm nhấn về không gian kiến trúc;

- Tạo dựng cảnh quan để tạo nên một khu dân cư xanh, tiện nghi, thân thiện và an toàn cho người sử dụng;
- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính của đồ án quy hoạch chung khu đô thị đã được phê duyệt;
- Gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của khu vực nghiên cứu với mạng lưới hiện có và mạng lưới chung của toàn khu vực tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.

3.1.2 Các phương án cơ cấu quy hoạch

Dựa theo quỹ đất xây dựng và các mối liên hệ với các khu chức năng xung quanh xác định các phương án cơ cấu quy hoạch, từ đó, xác định cụ thể phương án chọn nhằm mang lại cao nhất lợi ích về nhiều mặt của đồ án và tuân thủ các yêu cầu đã đề ra.

3.2 QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.2.1 Mục tiêu quy hoạch

Tuân thủ theo phương án cơ cấu chọn để xác định chi tiết các khu chức năng trong khu vực nghiên cứu thiết kế, và các chỉ tiêu cụ thể cho từng lô đất.

Đặt ra các yêu cầu về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao cho từng hạng mục công trình

Lập bảng cân bằng sử dụng đất – phù hợp với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đã được xác định

3.2.2 Định hướng quy hoạch sử dụng đất

- Quy mô dân số khu đô thị: 8.000 người – 12.000 người
- Biểu bảng quy hoạch sử dụng đất

3.3 TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH

3.3.1 Quan điểm tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- áp dụng các mô hình phát triển không gian tiên tiến, hiệu quả cao trong đầu tư, cung như duy trì tốt cảnh quan thiên nhiên hiện có;
- Đề xuất các định hướng liên kết tổng thể không gian đô thị, các định hướng phát triển kiến trúc sinh thái chất lượng cao cho khu vực;
- Đề xuất các biện pháp kiến trúc đô thị lấy những không gian đồi núi và mặt nước làm trọng tâm trong phát triển đô thị.

3.3.2 Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Phân tích tổng thể toàn bộ khu vực nghiên cứu thiết kế với các khu vực chức năng kề cận, nhằm đề xuất các định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan hợp lý. Đề xuất định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan cho từng khu vực dựa trên các yếu tố đặc thù, riêng biệt của từng dự án.

Đề xuất các định hướng phát triển kiến trúc cảnh quan sinh thái cho khu dịch vụ, nhằm hình thành một không gian ở, nghỉ ngơi vui chơi mang đậm cảnh quan sinh thái và phát triển bền vững.

Đề xuất các liên kết về không gian kiến trúc với khu vực dự án khu đô thị, khu công viên vui, điểm du lịch kề sát cũng như khu vực cây xanh các triền đồi núi và tạo mặt nước bằng các khe tụ thủy sông suối

Định hướng phát triển các công trình kiến trúc, tăng cao các công trình mang tính đặc thù của khu vực, tạo nên các đường nét kiến trúc cơ bản cho các bước xây dựng và phát triển giai đoạn sau.

Nghiên cứu đề xuất các tuyến giao thông đô thị và đường dạo, đường nội bộ nhằm tạo nên một mô hình phát triển hài hòa cho từng đơn vị ở và du lịch sinh thái

CHƯƠNG III: QUY HOẠCH CHUẨN BỊ KỸ THUẬT

Các giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các yêu cầu của đồ án trong hiện tại và tương lai.

Đầu nối với hệ thống hạ tầng các khu chức năng kề cận, phù hợp với định hướng quy hoạch của huyện

3.1 GIAO THÔNG: Phân tích đánh giá hiện trạng và dự kiến, phân đợt xây dựng, tính toán kinh phí, có phân loại đường, các mặt cắt đường, các nút giao cắt cho tất cả các loại hình giao thông.

3.2 SAN NỀN, THOÁT NƯỚC MƯA: Phân tích đánh giá hiện trạng và giải pháp san nền thoát nước, khối lượng san lấp, các biện pháp bảo vệ chống ngập úng, đề kè và đề xuất các giải pháp để hoà hợp phát triển khu đô thị mới với các khu vực hiện trạng khác. Tính toán kinh phí, phân đợt xây dựng.

3.3 CẤP NƯỚC: Tính toán nhu cầu và tiêu chuẩn nước các giai đoạn. Nguồn nước cấp cho khu vực được lấy từ đường ống nước Sông Đà, dọc đường Láng Hòa Lạc. Các công trình đầu mối như trạm bơm, bể chứa... Mạng lưới phân phối, nguồn nước Tính toán kinh phí, phân đợt xây dựng.

3.4 CẤP ĐIỆN: Tính toán nhu cầu sử dụng điện năng, phụ tải. Các trạm phân phối, các tuyến cao thế, hạ thế. Mạng lưới phân phối, điện chiếu sáng các công trình dân dụng, đường phố và các khu công viên cây xanh. Tính toán kinh phí, phân đợt xây dựng.

3.5 THÔNG TIN- BƯU ĐIỆN: Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc tổng thể khu vực, có liên kết với tổng thể toàn vùng. Cụm trạm điện thoại, điện tín, bưu chính. Mạng lưới, tính toán kinh phí, phân đợt xây dựng.

3.6 THOÁT NƯỚC BẮN VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG: Các trạm xử lý nước bẩn, bãi rác thải. Mạng lưới đường ống kích thước, độ dài, vật liệu xây dựng đường ống. Giải pháp xử lý rác bẩn và xử lý các vùng ô nhiễm đặc biệt và đề xuất các biện pháp sử lý với khu vực nghĩa trang. Tính toán kinh phí, phân đợt xây dựng.

CHƯƠNG IV: KINH TẾ ĐÔ THỊ

- Lập bảng tổng hợp khối lượng đầu tư xây lắp. Kinh phí xây dựng bao gồm các dự án theo các bộ môn thiết kế, nguồn vốn và các giai đoạn thực hiện. Tính toán giá thành suất đầu tư cho mỗi m² đất xây dựng (có tách riêng phần hạ tầng kỹ thuật).
- Danh mục các công trình hoặc dự án xây dựng đợt đầu và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

CHƯƠNG V: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Đánh giá tác động môi trường đô thị trước, trong khi xây dựng và sau khi hoàn thành xây dựng đô thị và khu du lịch sinh thái. Đề xuất các biện pháp bảo vệ, giảm thiểu các ảnh hưởng xấu đến môi trường.

KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM

KHỐI LƯỢNG BẢN VẼ	TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
A – HỒ SƠ BẢN VẼ		
1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/5000 hoặc 1/10000	QH 01
2. Bản đồ đánh giá hiện trạng tổng hợp	1/500	QH 02
3. Sơ đồ cơ cấu quy hoạch (tối thiểu 2 phương án)	1/10000 hoặc 1/5000	QH 03
4. Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	1/500	QH 04
5. Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/500	QH 05
6. Quy hoạch hệ thống giao thông, mặt cắt đường	1/500	QH 06
7. Quy hoạch chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng	1/500	QH 07
8. Quy hoạch san nền và chuẩn bị kỹ thuật	1/500	QH 08
9. Quy hoạch cấp nước	1/500	QH 09
10. Quy hoạch cấp điện	1/500	QH 10
11. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc	1/500	QH 11
12. Quy hoạch thoát nước mưa	1/500	QH 12
13. Quy hoạch thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường	1/500	QH 13
14. Bản tổng hợp đường dây và đường ống kỹ thuật	1/500	QH 14
B – HỒ SƠ THUYẾT MINH		
15. Thuyết minh tóm tắt	01 Quyển	
16. Thuyết minh tổng hợp	01 Quyển	
17. Dự thảo tờ trình	01 Quyển	
18. Điều lệ quản lý xây dựng	01 Quyển	
C – HỒ SƠ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ		
19. Bản vẽ mặt bằng, khai triển mặt đứng theo các tuyến phố chính	1/2000 hoặc 1/500	QH15-1
20. Bản vẽ các mặt cắt quan trọng trên các tuyến phố	1/2000 hoặc 1/500	QH15-2
21. Các phối cảnh minh họa		QH15-3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện: Bắt đầu:

Kết thúc:

Cơ quan nghiên cứu thiết kế: Công ty A.L.A

Chủ đầu tư lập Quy hoạch:

Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng

Cơ quan trình duyệt: Sở Xây dựng

Cơ quan phê duyệt: UBND Tỉnh

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY

ĐƠN VỊ LẬP NVTK
CÔNG TY A.L.A